

Số: /TM-TTYT
V/v yêu cầu báo giá thiết bị y tế

Liên Chiểu, ngày tháng năm 2025

Kính gửi: Các nhà cung cấp hàng hóa tại Việt Nam

Trung tâm Y tế quận Liên Chiểu có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng thống số kỹ thuật dự toán, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự án mua sắm thiết bị y tế và hàng hóa phục vụ công tác chuyên môn năm 2025 tại Trung tâm Y tế quận Liên Chiểu.

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế quận Liên Chiểu.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ và tên: DS Lê Thị Kiều Trang.

Số điện thoại liên hệ : 0349771540.

Email: kieutrangpharma@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Nhận trực tiếp tại Tầng 1, phòng tiếp dân. Địa chỉ: 525 Tôn Đức Thắng, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: 10 ngày kể từ ngày thông báo này đăng tải lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Trường hợp báo giá chậm trễ trong quá trình vận chuyển, các hãng sản xuất, nhà cung cấp phải cung cấp tài liệu chứng minh bưu cục vận chuyển đã tiếp nhận trước thời hạn tại khoản 4 điều I; bản giấy phải được gửi về Khoa Dược-TTB-VTYT, Trung tâm Y tế quận Liên Chiểu chậm nhất sau 3 ngày kể từ ngày kết thúc tiếp nhận báo giá.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: **Tối thiểu 180 ngày** kể từ ngày chào giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục chi tiết yêu cầu báo giá tại Phụ lục 02 đính kèm.
- Hồ sơ chào giá phải được bỏ vào phong bì, niêm phong kín để bảo mật và tạo sự khách quan trong việc mời chào giá; bên ngoài phong bì phải ghi rõ nội dung là **“CHÀO GIÁ THEO THƯ MỜI SỐ /TM-TTYT”** để tiện theo dõi.

Hồ sơ gồm:

- Bảng chào giá (Theo mẫu phụ lục 01 đính kèm).
- Giấy phép kinh doanh của đơn vị, công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế
- Tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế báo giá.

- Lưu ý: Giá chào đã bao gồm đầy đủ các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có).
- Rất mong nhận được sự hợp tác của quý đơn vị.
- Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thành Tân

trinhlttd-28/06/2025 15:05:02-trinhlttd-trinhlttd-trinhlttd

Phụ lục 1
Mẫu Báo giá của Trung tâm Y tế quận Liên Chiểu
(Đính kèm thư mời chào giá số /TM-TTYT ngày tháng năm 2025)

BÁO GIÁ

Kính gửi: **TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN LIÊN CHIỂU**
Địa chỉ: 525 Tôn Đức Thắng, Hòa Khánh Nam, Liên Chiểu, Đà Nẵng

Trên cơ sở thư mời yêu cầu báo giá số /TM- TTYT ngày tháng năm 2025 của Trung tâm Y tế quận Liên Chiểu, chúng tôi.... *[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các mặt hàng hóa chất, vật tư, trang thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các mặt hàng hóa chất, vật tư, trang thiết bị y tế liên quan:

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Đặc tính kỹ thuật hàng hóa tham dự	Mã HS	Xuất xứ	Đơn vị tính	Quy cách	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Mức thuế VAT (%)	Lưu ý
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1												
2												

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật của hàng hóa)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 180 ngày]*, kể từ ngày ... tháng... năm...*[ghi ngày....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I-Yêu cầu báo giá]*.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các hàng hóa, thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh,

bán phá giá.

- Đối với hàng hóa phân loại trang thiết bị y tế khi tham gia dự thầu sẽ cung cấp đầy đủ giấy tờ theo quy định về trang thiết bị y tế.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..., ngày tháng năm 2025

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

- Ghi chú:

+ Đề nghị ghi đầy đủ thông tin trên mẫu.

+ Đối với các mặt hàng là trang thiết bị B,C,D nhà thầu gửi kèm giấy đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế còn hiệu lực.

Phụ lục 2
Danh mục chi tiết yêu cầu báo giá

(Đính kèm Thư mời chào giá số /TM-TTYT ngày tháng năm 2025

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
1	Máy điện tim 3 kênh	1. Yêu cầu chung: - Hàng mới 100%. - Nhà sản xuất phải đạt một trong các tiêu chuẩn chất lượng sau: ISO 13485, ISO 9001, CE hoặc tương đương. - Sản xuất từ 2024 trở về sau - Nguồn điện sử dụng: 220V, 50/60Hz. - Môi trường hoạt động: • Nhiệt độ tối đa: 40 độ C • Độ ẩm tối đa: 85% 2. Cấu hình máy gồm có - Máy chính: 1 máy - Phụ kiện kèm theo: • Dây nguồn: 1 chiếc • Cáp điện tim: 1 chiếc • Điện cực loại bóp bóng: 6 chiếc • Điện cực kẹp chì: 4 chiếc • Giấy in: 1 xấp • Bút lau đầu in nhiệt: 1 chiếc • Pin sạc: 1 chiếc • Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + Việt: 1 bộ	Cái	5

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
2	Máy thở CPAP	1. Yêu cầu chung: - Hàng mới 100%. - Nhà sản xuất phải đạt một trong các tiêu chuẩn chất lượng sau: ISO 13485, ISO 9001, CE hoặc tương đương. - Sản xuất từ 2024 trở về sau - Nguồn điện sử dụng: 220V, 50/60 Hz. 2. Yêu cầu cấu hình: - 01 Bộ trộn khí - 01 Máy nén khí di động nhỏ - 01 Bình làm ẩm - 01 Bình tạo áp lực - 01 Dây cảm biến nhiệt - 01 Dây cilicon dẫn nhiệt - 01 Bộ điều khiển - 01 Bộ chân 4 bánh xe và giá đỡ Dùng cho trẻ sơ sinh và bệnh nhi	Cái	1

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
3	Bơm tiêm điện	1. Yêu cầu chung: Thiết bị được sản xuất từ năm 2023 trở về sau, mới 100%, nguyên đai nguyên kiện. Đạt chứng nhận chất lượng: ISO 13485 hoặc FDA hoặc tương đương. Điều kiện môi trường hoạt động: + Nhiệt độ hoạt động: 10 – 40 độ C; + Độ ẩm hoạt động: 40 – 90 % Nguồn cung cấp: Nguồn điện trực tiếp 100-240V, 50-60Hz hoặc Pin sạc 2. Yêu cầu cấu hình Máy chính: 01 cái Dây nguồn: 01 cái Khóa treo máy: 01 cái PIN sạc tích hợp trong máy: 01 cái Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ 3. Yêu cầu thông số kỹ thuật Có khả năng xếp chồng các thiết bị lên nhau mà không cần giá treo. PIN sạc: Loại Lithium-Ion, thời gian sử dụng với PIN sạc ≥ 6 giờ tại tốc độ truyền 5ml/h; thời gian sạc PIN: ≤ 4 giờ. Có sẵn ngôn ngữ sử dụng tiếng Việt trong máy. Màn hình màu, góc nhìn $\geq 75^\circ$. Nhập tốc độ truyền bằng nút bấm. Có hiển thị hướng dẫn thao tác tháo, lắp ống tiêm bằng hình ảnh trên màn hình hiển thị. Thể tích truyền: Tối đa ≤ 9000 ml, bước tăng ≤ 0.01 ml/h. Thời gian truyền: Tối đa ≤ 99 giờ 00 phút. - Ống tiêm sử dụng: 2/3, 5, 10, 20, 30, 50/60 (ml). - Cho phép chọn loại ống tiêm sử dụng trên máy	Cái	6

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
4	Máy truyền dịch	1. Yêu cầu chung: - Thiết bị được sản xuất từ năm 2023 trở về sau, mới 100%, nguyên đai nguyên kiện. - Đạt chứng nhận chất lượng: ISO 13485 hoặc FDA hoặc tương đương. - Điều kiện môi trường hoạt động: + Nhiệt độ hoạt động: Tối đa 35 độ C; + Độ ẩm hoạt động: Tối đa 90%. - Nguồn cung cấp: Nguồn điện trực tiếp 100-240V, 50-60Hz hoặc Pin sạc loại PIN Lithium-Ion. II. Yêu cầu cấu hình: - Máy chính: 01 cái - Dây nguồn: 01 cái - Khóa treo máy: 01 cái - PIN sạc tích hợp trong máy: 01 bộ - Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ Màn hình màu, góc nhìn $\geq 80^\circ$. Có sẵn ngôn ngữ sử dụng tiếng Việt trong máy. Nhập thông số truyền bằng nút bấm. Có hiển thị hướng dẫn thao tác tháo, lắp ống tiêm bằng hình ảnh. Tốc độ truyền: Từ 0.1 đến 1200 ml/giờ, bước điều chỉnh: 0.01ml/giờ. Truyền nhanh: Có 3 chế độ truyền nhanh.	Cái	2

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
5	Máy phá rung tim	1. Yêu cầu chung: - Thiết bị được sản xuất từ năm 2023 trở về sau, mới 100%, nguyên đai nguyên kiện. - Đạt chứng nhận chất lượng: ISO 13485 hoặc FDA hoặc tương đương. - Điều kiện môi trường hoạt động: + Nhiệt độ hoạt động: Tối đa 40 độ C; + Độ ẩm hoạt động: Tối đa 90 % - Nguồn cung cấp: Nguồn điện trực tiếp 100-240V, 50-60Hz hoặc Pin sạc 2. Yêu cầu cấu hình: - Máy chính: 01 máy - Các phụ kiện tiêu chuẩn bao gồm: • Máy in nhiệt tích hợp trong máy: 01 cái • Pad đánh sóc người lớn + trẻ em: 01 bộ • Cáp điện tim 3 điện cực: 01 sợi • Bộ nối pad tạo nhịp ngoài: 01 bộ • Pad tạo nhịp ngoài: 01 bộ • Pin sạc: 01 chiếc • Giấy ghi: 01 xấp • Gel tiếp xúc: 01 lọ • Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ • Xe đẩy đặt máy	Cái	1

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
6	Máy theo dõi bệnh nhân	1. Yêu cầu chung: - Thiết bị được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%, nguyên đai nguyên kiện. - Đạt chứng nhận chất lượng: ISO 13485 hoặc FDA hoặc tương đương. - Điều kiện môi trường hoạt động: + Nhiệt độ hoạt động: Tối đa 40 độ C; + Độ ẩm hoạt động: Tối đa 85% - Nguồn cung cấp: Nguồn điện trực tiếp 100-240V, 50-60Hz hoặc Pin sạc 2. Yêu cầu cấu hình: - Máy chính: 01 máy - Dây nguồn: 01 cái - Cáp điện tim: 01 cái - Bộ dây ECG 3 chuyển đạo: 01 bộ - Điện cực tim người lớn/trẻ em: 30 cái - Cáp nối SpO2: 01 cái - Đầu dò SpO2 người lớn và trẻ em: 01 cái - Ống đo huyết áp người lớn /trẻ em: 01 cái - Túi hơi huyết áp người lớn: 01 cái - Túi hơi huyết áp trẻ em: 01 cái - Đầu dò nhiệt độ da: 01 cái - Cáp và kit đo EtCO2: 01 bộ - Airway adapter: 01 cái - Máy in: 01 cái - Giấy in: 01 xấp - Pin sạc: 01 cái - Sách hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ - Đĩa kỹ thuật máy: 01 bộ	Cái	2

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
7	Máy soi cổ tử cung	1. Yêu cầu chung : - Năm sản xuất: Năm 2024 trở về sau, mới 100% - Đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế: ISO 13485 hoặc tương đương - Điện nguồn sử dụng: AC 100 – 240 V, 50/60Hz - Môi trường hoạt động: Æ Nhiệt độ: 15 – 40°C Æ Độ ẩm: 80% 2.Cấu hình thiết bị : Camera + nguồn sáng LED + thân máy: 01 bộ Card kết nối camera với máy tính: 01 chiếc Dây dẫn tín hiệu, dây nguồn: 01 chiếc Máy vi tính AIO i3 8GB Ram 256 SSD 21.5 inch (Mua trong nước) : 01 bộ Phần mềm kết nối máy tính thu nhận hình ảnh : 01 bộ Máy in phun màu: 01 cái Bộ Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, tiếng Việt : 01 cái 3. Yêu cầu về thông số kỹ thuật: - Soi cổ tử cung công nghệ kỹ thuật số độ phân giải cao FullHD ≥ 2.38 Mega Pixel - Có hệ thống lọc xanh điện tử tiên tiến để hiển thị rõ mạch giúp khu biệt bệnh rõ ràng - Công nghệ ngắt tự động tiên tiến và nhanh đem lại hình ảnh rõ nét - Có màn hình mini LCD hiển thị sau Camera - Có điều chỉnh độ sáng đèn Led - Có thể phóng đại liên tục - Có chức năng dừng hình bằng phím bấm hoặc bàn đạp chân - Có bộ đếm thời gian liên tục - Có điều khiển từ xa - Có pin tích hợp trong máy, giúp làm việc ngay cả khi mất điện lên đến 4.5h Thông số kỹ thuật - Camera chính: + Modul hình ảnh: Sony 1/2.8 type Exmor CMOS Sensor, với độ phân giải $\geq 2.380.000 \sim 3.270.000$ pixels	Cái	1

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
		+Đầu ra tín hiệu: HDMI, USB 3.0, SDI +Độ phân giải: Tương thích với các độ phân giải màn hình: 1920x1080; 1280x720; 720x480; 720x576 +Khoảng cách làm việc (bình thường) tự động lấy nét: 100-400mm +Độ phóng đại hình ảnh: >=120X +Trường nhìn: 1x-60mm +Độ sâu hình ảnh: 5~120mm +Nguồn sáng lạnh: Led đa điểm +Màu sắc: Trắng, xanh lá cây, xanh nhạt, với lựa chọn sáng hoặc tối +Dùng hình: Bằng nút bấm, điều khiển từ xa +Phương thức lấy nét: Tự động hoặc bằng tay -Hiển thị hình ảnh: màn hình màu LCD hoặc laptop -Nguồn điện: 100-240VAC -Tay cầm điều khiển: thiết kế nhỏ gọn, có thể thực hiện thu phóng, chỉnh tiêu cự, dùng hình, điều chỉnh màu, hiển thị thời gian và chỉnh độ sáng dễ dàng bằng một tay -Thân máy: + Giá đỡ máy ảnh với thiết kế các chốt giúp camera có thể điều chỉnh xoay 360 độ và cố định chắc chắn ở bất kỳ góc nào + Chân đế: có thể linh hoạt điều chỉnh độ cao của ống kính lên xuống, thân đế chắc chắn, có thiết kế bánh xe giúp linh hoạt tháo lắp và dễ dàng di chuyển		
8	Máy áp lạnh sản khoa	1. Yêu cầu chung: - Hàng mới 100%. - Nhà sản xuất phải đạt một trong các tiêu chuẩn chất lượng sau: ISO 13485, ISO 9001, CE hoặc tương đương.	Cái	1

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
		- Sản xuất từ 2024 trở về sau 2. Yêu cầu về cấu hình Đầu đốt thay thế (kiểu A, B và C): mỗi kiểu 1 cái, tổng cộng 03 cái Bộ điều áp: 1 bộ Đầu dò: 1 bộ Bộ gá cho xi lanh 7,5 kg: 1 bộ Hộp bảo quản: 1 hộp Một bình khí CO2 hoặc bình khí N2O để sử dụng cho Máy áp lạnh 3. Đặc tính kỹ thuật Cò có 3 vị trí điều khiển Tất cả điều khiển bằng tay từ 3 vị trí cò. Cò tự động chốt khi ở vị trí ‘đóng băng’. Thiết kế giữ vòng “O” đưa ra dấu hiệu khí rõ ràng ở nút vặn phía trên đỉnh trên thân đầu dò, do đó giữ được vòng “O”. Thân van bằng thép không rỉ được thiết kế và sản xuất đặc biệt cho sử dụng lâu dài, được kiểm tra đến 3000 PSI, Tự động làm sạch với mọi chu kỳ và bộ lọc gắn bên trong kích thước 60 micron luôn giữ cho sạch ở mọi thời điểm. Đầu vô trùng có thể thay đổi được ở hợp kim vàng có tính dẫn nhiệt cao đặc biệt Đầu vô trùng làm từ hợp kim vàng có tính dẫn nhiệt cao Thông số kỹ thuật bộ áp lạnh sản khoa Kỹ thuật đông lạnh: giãn nở khí đoạn nhiệt Kỹ thuật khử băng: nhiệt nén khí Loại khí sử dụng: Carbon Dioxide (CO2) và Nitrous Oxide (N2O) Áp lực khí: 50 – 65 kg/cm2 Lượng khí sử dụng: khoảng 0.5 kg mỗi 03 phút Nhiệt độ thấp nhất: -70oC với CO2 , -80oC với N2O Kích thước: tổng chiều dài 310 mm(+/- 5mm) Ống thông: 250 mm (+/- 5mm) Tay cầm (Rộng x Cao x Dài): 44 x 150 x 125 mm (+/- 5mm) Trọng lượng: 600 g (+/- 10g) Nguồn điện: không sử dụng		

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
9	Đèn chiếu vàng da	1. Yêu cầu chung: - Hàng mới 100%. - Nhà sản xuất phải đạt một trong các tiêu chuẩn chất lượng sau: ISO 13485, ISO 9001, CE hoặc tương đương. - Sản xuất từ 2024 trở về sau - Nguồn điện sử dụng: 100-240 V, 50-60Hz 2. Yêu cầu về cấu hình: - Đèn chính + màn hình hiển thị: 01 bộ - Thân đèn: 01 bộ - Chân đế + bánh xe: 01 bộ - Dây nguồn: 01 bộ - Nôi + xe đẩy: 01 bộ - Cầu chì: 01 bộ - HDSD: 01 bộ 3. Yêu cầu về thông số kỹ thuật - Điều chỉnh độ cao dễ dàng - Chiếu 2 mặt cho hiệu suất cao hơn - Bóng LED chuyên dụng tuổi thọ cao - Màn hình hiển thị thời gian sử dụng trực quan - Xe đẩy đa năng kèm nôi tích hợp - Bánh xe có khóa giúp cố định và di chuyển dễ dàng - Giấy phép đầy đủ trong y tế để xin cấp phép hoạt động, bảo hiểm, thầu.... - Kích thước tổng thể (D*R*C): 77*50*171 cm (+/- 5cm) - Kích thước máng đèn trên/dưới (D*R*C): 38*27*8 cm (+/- 2cm) - Kích thước nôi (D*R*C): 70*49*17 cm (+/- 5cm) - Độ cao điều chỉnh: 112-171 cm (+/- 10cm) - Khoảng cách 2 đầu chiếu điều chỉnh: 54-114 cm (+/- 5cm) - Bóng đèn: LED (xanh) công suất cao - Số bóng mỗi mặt trên/dưới: 18 cái - Tuổi thọ bóng đèn: • Tối thiểu 25.000 giờ • Thay đổi độ sáng ít hơn 10% sau 25.000 giờ chiếu sáng • Thay đổi về cường độ sau 6 giờ < 10%	Cái	2

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
		- Dải bước sóng: 420-480nm (+/- 10nm) - Diện tích bề mặt điều trị: 70*49 cm (+/- 3cm) - Cường độ bức xạ: > 42 mw/cm2/nm ở 30cm - Màn hình hiển thị LCD: thời gian điều trị và tổng thời gian đã sử dụng đèn - Trọng lượng: khoảng 20kg (+/- 1kg) - Điện áp đầu vào: 220V-50Hz - Công suất tiêu thụ: 120-160W - Cầu chì: 5 Amp		
10	Lồng ấp sơ sinh	1. Yêu cầu chung: - Hàng mới 100%. - Nhà sản xuất phải đạt một trong các tiêu chuẩn chất lượng sau: ISO 13485, ISO 9001, CE hoặc tương đương. - Sản xuất từ 2024 trở về sau - Nguồn điện sử dụng: 220V, 50/60Hz. 2. Cấu hình máy gồm có Hộp nhựa trong suốt 01 chiếc Hệ thống điều khiển 01 chiếc Giường sơ sinh 01 chiếc Cọc I.V. (Cọc truyền) 01 chiếc Đệm 01 chiếc Bánh xe 01 bộ Hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh và tiếng Việt 01 bộ	Cái	1

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
11	Nồi hấp ướ tệt trùng	1. Yêu cầu chung: - Hàng mới 100%. - Nhà sản xuất phải đạt một trong các tiêu chuẩn chất lượng sau: ISO 13485, ISO 9001, CE hoặc tương đương. - Sản xuất từ 2024 trở về sau - Nguồn điện sử dụng: 220V, 50/60Hz. 2. Yêu cầu về cấu hình - thông số kỹ thuật: Dung tích: ≥82 lít Kích thước khoang tệt trùng (đường kính x chiều cao): ≥ φ400 x 650 mm Nhiệt độ sử dụng tệt trùng: 110-125oC Áp suất tối đa: 0,16Mpa (1,6 kg/cm2) Cài đặt thời gian: 0~60 phút Công suất: 3.6 kW (18A) Có chức năng sấy khô tự động Vật liệu vỏ ngoài bằng thép phủ Enamel SUS304 Bảo vệ chống cạn nước, chống quá áp, van an toàn	Cái	1
12	Máy doppler tim thai	1. Yêu cầu chung - Thiết bị được sản xuất năm 2024 trở về sau, mới 100%. - Chứng nhận chất lượng: ISO 13485, FDA hoặc tương đương - Môi trường làm việc: + Nhiệt độ: 5 độ C đến 40 độ C + Độ ẩm: 25% đến 80% 2. Yêu cầu về cấu hình - Máy chính: 01 cái - Đầu dò 3 Mhz: 01 cái - Pin: 01 bộ - Hộp đựng: 01 cái - HDSD Anh/Việt: 01 bộ 3. Yêu Cầu Chỉ Tiêu Kỹ Thuật: - Màn hình hiển thị: Màn hình màu đôi OELD 0.96’’ - Hiệu suất FHR:	Cái	3

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
		§ Dải đo nhịp tim FHR: 50 ~ 240 nhịp/ phút § Độ phân giải: 1 nhịp/ phút § Độ chính xác: ± 2 nhịp/ phút - Công suất ngõ ra âm thanh: 2W - Tự động tắt máy: Sau 1 phút không có tín hiệu hoặc không hoạt động, máy sẽ tự động tắt máy hoặc khi ngắt kết nối đầu dò, máy sẽ tự động tắt máy - Loại pin sử dụng: Pin AA Đầu dò siêu âm: - Tần số thiết kế: § Đầu dò sản khoa 3.0MHz: 3.0MHz - Tần số làm việc: § Đầu dò sản khoa 3.0MHz: $(3.0 \pm 10\%)$ MHz - Diện tích làm việc đầu dò: § Đầu dò sản khoa 3.0MHz: $(245 \pm 15\%)$ mm² - Đầu dò sản khoa 3.0MHz: p- < 1MPa Iob < 20 mW/cm² Ispta < 100mW/cm² - Chế độ làm việc: Dò sóng liên tục - Phân loại: § Chống sốc điện: Tích hợp bên trong § Độ chống sốc điện: Thiết bị loại B - Mức độ bảo vệ chống lại sự xâm nhập có hại của nước: § Đầu dò: IPX8 - Hệ thống làm việc: Thiết bị chạy liên tục - Loa phát âm thanh Hi-Fi		

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
13	Kính hiển vi	I. Yêu cầu chung: - Thiết bị được sản xuất năm 2024 trở về sau, mới 100%. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2015 hoặc tương đương - Điện nguồn sử dụng: 220 V, 50/60Hz - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ: 30o C + Độ ẩm: 70% II. Cấu hình thiết bị - Thân kính hiển vi 2 mắt kèm theo nguồn sáng đèn LED: 01 cái - Thị kính chống mốc 10X, đường kính vi trường rộng 20 mm, có chia độ Diop: 02 cái. - Vật kính phẳng chống mốc 4X/ độ mở 0.10, khoảng cách làm việc 27.8 mm: 01 cái - Vật kính phẳng chống mốc 10X/ độ mở 0.25, khoảng cách làm việc 8.0 mm: 01 cái - Vật kính phẳng chống mốc 40X/ độ mở 0.65, khoảng cách làm việc 0.6 mm: 01 cái - Vật kính phẳng chống mốc 100XOil/độ mở 1.25, khoảng cách làm việc 0.13 mm, soi dầu: 01 cái - Hộp tụ quang dùng cho kỹ thuật trường sáng: 01 cái - Bàn để mẫu kèm theo bộ phận di mẫu X x Y: 76 x 30 mm: 01 cái - Dầu soi: 01 lọ; - Bao máy: 01 cái; - Dây điện nguồn: 01 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh + Tiếng Việt: 01 bộ	Cái	2

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
14	Kính hiển vi (Có kèm camera và phụ kiện kết nối)	I. Yêu cầu chung: - Thiết bị được sản xuất năm 2024 trở về sau, mới 100%. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2015 hoặc tương đương - Điện nguồn sử dụng: 220 V, 50/60Hz II. Cấu hình thiết bị - Thân kính chính: 01 bộ - Đầu quan sát 3 cực: 01 cái - Mâm gắn vật kính 05 vị trí: 01 cái - Tụ quang thực hiện kỹ thuật trường sáng: 01 cái - Bàn di mẫu: 01 chiếc - Bộ phận kẹp tiêu bản được 02 tiêu bản: 01 chiếc - Bóng đèn LED: 01 cái - Dây điện nguồn: 01cái - Bộ vật kính phẳng, tiêu sắc PLCN 4X, 10X, 40X và 100XO: 01 bộ - Thị kính 10X/20: 02 cái - Lọ dầu soi 8cc: 01 lọ - Camera CMOS, C-B10+: 01 bộ - Adapter 0.5X: 01 bộ - Phần mềm phân tích hình ảnh: 01 bộ - Hướng dẫn sử dụng: 01 bộ	Cái	1
15	Bộ bể nhuộm tiêu bản	- Chất liệu: thủy tinh hoặc nhựa pp, có khả năng chống acid mạnh. - Bộ nhuộm gồm ≥ 12 lọ - Dung tích: mỗi lọ chứa tối đa 10 - 24 lam kính đặt thẳng đứng. - Có nắp đậy	Cái	1

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
16	Máy ly tâm	I. Yêu cầu chung: - Thiết bị được sản xuất năm 2024 trở về sau, mới 100%. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương - Điện nguồn sử dụng: 220 V, 50/60Hz - Xuất xứ: G7 II. Cấu hình thiết bị - Xuất xứ: G7 II. Yêu cầu cấu hình tối thiểu: - Máy chính : 01 cái - Rotor: 01 cái - Bucket/ Adapter cho ống 1.6-5mL (13x75mm): ≥04 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ III. Đặc tính kỹ thuật: - Tốc độ ly tâm tối đa: ≥ 5000 vòng/phút - Số vị trí đặt mẫu 1.6-5mL (13x75mm): ≥64 ống - Buồng ly tâm bằng thép không gỉ - Có thông báo âm thanh sau khi hoàn thành chạy ly tâm.	Cái	1
17	Máy lắc	I. Yêu cầu chung: - Thiết bị được sản xuất năm 2024 trở về sau, mới 100%. 2. Yêu cầu kỹ thuật - Máy lắc trộn vortex sử dụng được với nhiều kích cỡ ống khác nhau, tối thiểu có: microtubes, ống PCR, ống 5ml... - Tốc độ : ≥3000 vòng/phút - Chế độ hoạt động: chạm và liên tục	Cái	1

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
18	Máy sấy tiêu bản	I. Yêu cầu chung: - Thiết bị được sản xuất năm 2024 trở về sau, mới 100%. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2015 hoặc tương đương - Điện nguồn sử dụng: 220 V, 50/60Hz II. Cấu hình thiết bị Bàn sấy lam kính có thể điều chỉnh được nhiệt độ từ 30- 70 độ C.	Cái	1
19	Micropipet 0,5-10µl	Dung tích 0.5µl-10µl Khoảng chia độ: 0.1µl Sai số cho phép(accuracy error): 0.9-2.5% Có thể hấp tiệt trùng 121°C Xuất xứ: G7	Cái	2
20	Micropipet 5-50µl	Dung tích: 5µl-50µl Khoảng chia độ: 0.5-1.0µl Sai số cho phép(accuracy error): 0.9-3.0% Có thể hấp tiệt trùng 121°C Xuất xứ: G7	Cái	2
21	Micropipet 20-200µl	Dung tích: 20µl -200µl Khoảng chia độ: 0.5-1.0µl Sai số cho phép(accuracy error): 0.9-3.0% Có thể hấp tiệt trùng ở 121°C Xuất xứ: G7	Cái	2

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
22	Micropipet 100-1000μl	Dung tích 100μl -1000μl Khoảng chia độ: 5.0μl Sai số cho phép(accuracy error): 0.9-3.0% Có thể hấp tiệt trùng ở 121°C Xuất xứ: G7	Cái	2
23	Máy định vị chóp	1. Yêu cầu chung: - Thiết bị được sản xuất năm 2024 trở về sau, mới 100%. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2015 hoặc tương đương - Điện nguồn sử dụng: 220 V, 50/60Hz hoặc pin sạc 2. Cấu hình máy gồm có '- Thân máy chính x 1 cái - Dây đo x 1 cái - Kẹp file x 2 cái - Móc môi x 2 cái - Thanh đo x 1 cái - Cục sạc x 1 cái - Pin x 1 cái - Công cụ test x 1 cái	Cái	1

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
24	Máy nội nha	1. Yêu cầu chung: - Thiết bị được sản xuất năm 2024 trở về sau, mới 100%. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2015 hoặc tương đương - Điện nguồn sử dụng: 220 V, 50/60Hz hoặc pin sạc 2. Cấu hình máy gồm có - Thân máy x 1 cái - Đầu khủy x 1 cái - Đế sạc x 1 cái - Củ sạc x 1 cái - Dây đo x 1 cái - Kẹp file x 4 cái - Móc môi x 2 cái - Cảm ứng thăm dò x 2 cái - Ống tra dầu x 1 cái	Cái	1
25	Bộ khuôn trám xoang 2	2 khuôn - dành cho răng cối dài và răng cối chuẩn; 40 đai trám cong; 40 miếng chêm; 01 kèm đặt khuôn trám Từ các vòng uốn khít riêng biệt Nitinol và các khuôn trám có hình dạng giải phẫu lý tưởng đến các miếng cem cực kỳ nhẹ nhàng nhưng chắc chắn Nitinol - hợp kim của Niken & Titan: tạo ra dây nối vượt trội hơn thép không gỉ hay Niti rắn - cắt laser Bộ xử lý nhiệt độ quyền - tăng sức chịu lực và tránh việc lung lay Chất gia cố siêu trùng hợp PEEK - giảm sự giãn vòng Luôn luôn tạo ra 1 kết quả trám trong mỗi lần dùng	Bộ	1

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
26	Bảng thử thị lực điện tử	1. Yêu cầu chung: - Thiết bị được sản xuất năm 2024 trở về sau, mới 100%. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2015 hoặc tương đương - Điện nguồn sử dụng: 220 V, 50/60Hz - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ tối đa đến $\geq 35^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm tối đa đến $\geq 80\%$ 2. Cấu hình máy gồm có - Máy chính: 01 chiếc - Điều khiển từ xa: 01 chiếc - Bạt phủ bụi: 01 chiếc - Dây điện: 01 chiếc - Pin: 01 bộ - Giá treo tường: 01 chiếc	Cái	1
27	Máy đo nhãn áp không tiếp xúc	1. Yêu cầu chung: - Hàng mới 100%. - Nhà sản xuất phải đạt một trong các tiêu chuẩn chất lượng sau: ISO 13485, ISO 9001, CE hoặc tương đương. - Sản xuất từ 2024 trở về sau - Nguồn điện sử dụng: 220 - 240V, 50/60Hz 2. Yêu cầu về thông số kỹ thuật - Đo nhãn áp không tiếp xúc - Tự động hoặc sử dụng cần điều khiển - Màn hình hiển thị các giá trị Tích hợp hoặc kết nối được với máy in nhiệt	Cái	1

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
28	Máy siêu âm B	1. Yêu cầu chung: - Hàng mới 100%. - Nhà sản xuất phải đạt một trong các tiêu chuẩn chất lượng sau: ISO 13485, ISO 9001, CE hoặc tương đương. - Sản xuất từ 2024 trở về sau - Nguồn điện sử dụng: 220 - 240V, 50/60Hz 2. Yêu cầu về thông số kỹ thuật - Siêu âm B-scan - Màn hình hiển thị - Tích hợp hoặc kết hợp được với máy in. Có thể gồm nhiều đầu dò (B-scan, đo độ dày giác mạc, siêu âm bán phần trước)	Cái	1
29	Đèn soi bóng đồng tử	1. Yêu cầu chung: - Hàng mới 100%. - Nhà sản xuất phải đạt một trong các tiêu chuẩn chất lượng sau: ISO 13485, ISO 9001, CE hoặc tương đương. - Sản xuất từ 2024 trở về sau - Nguồn điện sử dụng: 220 - 240V, 50/60Hz 2. Cấu hình máy gồm có - Đầu máy chính: 01 chiếc - Tay cầm: 01 chiếc - Bóng dự phòng: 01 chiếc - CD hướng dẫn sử dụng: 01 chiếc - Hộp đựng: 01 chiếc - Bộ nguồn điện	Cái	1

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
30	Kính soi đáy mắt 90 độ	1. Yêu cầu chung: - Hàng mới 100%. - Nhà sản xuất phải đạt một trong các tiêu chuẩn chất lượng sau: ISO 13485, ISO 9001, CE hoặc tương đương. - Sản xuất từ 2024 trở về sau 2. Yêu cầu về thông số kỹ thuật '- Góc quan sát: 74 độ/89 độ - Độ phóng đại hình ảnh: 0.76x - Độ phóng đại laser spot: 1.32x	Cái	1
31	Nồi hấp ướt tiệt trùng 16 lít	1. Yêu cầu chung: - Hàng mới 100%. - Nhà sản xuất phải đạt một trong các tiêu chuẩn chất lượng sau: ISO 13485, ISO 9001, CE hoặc tương đương. - Sản xuất từ 2024 trở về sau - Nguồn điện sử dụng: 220V, 50/60Hz. 2. Cấu hình máy gồm có - Máy chính dung tích ≥ 16 lít :01 cái - Bọc bộ làm nóng:01 cái - Hộp tiệt trùng:01 cái - Bộ khay :01 cái - Giá túi : 01 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng : 01 Bộ	Cái	4

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
32	Tủ sấy	1. Yêu cầu chung: - Hàng mới 100%. - Nhà sản xuất phải đạt một trong các tiêu chuẩn chất lượng sau: ISO 13485, ISO 9001, CE hoặc tương đương. - Sản xuất từ 2024 trở về sau - Nguồn điện sử dụng: 220V, 50/60Hz. 2. Thông số kỹ thuật Dung tích: 34 lít Dải nhiệt độ: Xung quanh: 50 đến 250 độ C Bộ hẹn giờ: Cơ học, 180min + HOLD Linh kiện tiêu chuẩn: 2 kệ bằng thép không gỉ, có thể điều chỉnh Hệ thống điều khiển: Analog Điều khiển nhiệt độ: ON/OFF Cài đặt/hiển thị nhiệt độ: Analog Tính đồng bộ nhiệt độ: +/- 8 độ C tại 180 độ C Tính ổn định nhiệt độ: +/- 0.5 độ C tại 180 độ C Độ phân giải: 1 độ C Cảm biến: Thủy lực Chức năng ngắt mạch & cảnh báo quá nhiệt: Tại 220 độ C	Cái	2

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
33	Máy súc rửa dạ dày	I.Yêu cầu chung: - Thiết bị mới 100%. - Năm sản xuất từ năm 2024 trở về sau. - Đáp ứng tiêu chuẩn quản lý chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Nguồn điện cung cấp: 220V+₋10% ;50/60 Hz. - Môi trường hoạt động: 5 - 40 độ C II.Cấu hình bao gồm: - Máy chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 Cái. - Dây nguồn: 01 Cái - Ống dạ dày: 01 Bộ - Đường ống dẫn: 01 Bộ - Kẹp nhựa: 02 Cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Việt: 01 Bộ. III. Thông số Kỹ thuật: - Máy rửa dạ dày tự động. - Áp lực và thời gian của việc rửa dạ dày được thiết lập tự động - Kiểm soát áp suất phản hồi, cơ chế đảo ngược, bảo vệ lưu lượng và áp suất, chức năng cân bằng chất lỏng, hút trực tiếp. - Độ ồn: ≤ 55 dB - Áp lực rửa dạ dày (Kpa): Tự động trong khoảng từ 47- 55 (áp lực tuyệt đối) - Dòng chảy rửa dạ dày: - Điều kiện đầu ra: ≤ 450 (ml/T) - Điều kiện đầu vào: ≤ 350 (ml/T) - Cân bằng thể tích chất lỏng: ≤ (250 ml/T) - Chu kỳ rửa dạ dày (S): ≤ 40 giây	Cái	1

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
34	Thiết bị ánh sáng Celluma	I. Yêu cầu chung - Thiết bị mới 100%, được sản xuất từ năm 2025 trở về sau - Chứng nhận FDA Hoa Kỳ, Bộ y tế và CE (Châu Âu) chứng nhận thiết bị y tế an toàn sử dụng cho da. II. Cấu hình bao gồm: - Tấm tựa mặt: 1 cặp - Kính bảo vệ mắt: 1 cặp - Bộ nguồn: 1 bộ - Bộ chuyển đổi quốc tế (cấp nguồn từ 110V đến 240V): 1 bộ (nếu sử dụng điện 110V) - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, tiếng Việt: 01 bộ III. Thông số kỹ thuật: - Sử dụng đa năng cho các bộ phận trên cơ thể với 2 bước sóng điều trị Blue 465nm và Red 640nm. - Diện tích điều trị: $\geq 35.56\text{cm} \times 15.24\text{cm}$ - Công suất: công suất ngõ ra có 2 chế độ là chế độ Liên tục và chế độ Xung - Mật độ năng lượng: 6.5 – 7.0 J/cm² ở khoảng cách thích hợp - LED màu Đỏ (640 nm): công suất tối đa là 71.6 microwatts/sr/m² (ở chế độ liên tục) - LED màu Xanh Dương (465 nm): công suất tối đa là 76.4 microwatts/sr/m² (ở chế độ liên tục)	Cái	1

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
35	Kính soi góc 3 mặt gương	Chất liệu toàn bộ bằng thủy tinh - Gương 60 độ giúp quan sát góc củng-giác mạc - Gương 66 độ giúp quan sát từ xích đạo đến bờ răng cưa - Gương 76 độ giúp quan sát ngoại biên và ngoại biên gần võng mạc Góc quan sát 60 độ/66 độ/76 độ Độ phóng đại: 1.06X Kích cỡ Laser Spot: 0.94X Đường kính tiếp xúc: 15mm hoặc 18mm hoặc 9.6mm	Cái	1
36	Tay khoan chậm thẳng và micromotor	Tay khoan chậm với hệ thống phun nước ngoài: Tốc độ vòng quay tối đa 20.000-22.000 vòng/phút. Đầu tay khoan thẳng : Đáp ứng tốc độ tối đa 40.000 vòng/phút. Tỷ lệ truyền động: 1:1. Sử dụng loại mũi khoan HP (Ø 2.35mm). Đi kèm micromotor: Điện áp sử dụng: 220V-50/60 Hz. Công suất: 35 W. Tốc độ tối đa: 25.000-35.000 vòng/phút. Trọn bộ gồm: máy chính, pedan, dây nguồn, đầu cắm tay khoan.	bộ	1
37	Tuốc nơ vít 4 châu	Tuốc nơ vít đầu 4 châu: phù hợp với đầu vis 4 châu đường kính 2mm ± 0,5mm	Cái	1
38	Banh vết mổ Farabeuf 12cm	Đầu cong tròn, chiều dài 12cm ± 1cm. Chất liệu: Thép không gỉ	Cái	1
39	Banh vết mổ Farabeuf 21cm	Đầu cong tròn, chiều dài 21cm ± 1cm. Chất liệu: Thép không gỉ	Cái	1
40	Ống hút phẫu thuật Frazier	Chiều dài 19 cm ± 1cm, đường kính lòng ống 4mm ± 1mm , có bộ phận ngắt hút để kiểm soát lực hút và kim làm sạch đồng bộ. Chất liệu: Thép không gỉ.	Cái	1

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
41	Máy đo SPO2 trẻ em	- Màn hình hiển thị: Màu, LCD - Khoảng đo SPO2: 0%~100% (độ phân giải 1%) - Độ chính xác: 70%~100% : ±2%, dưới 70% không xác định - Khoảng đo nhịp tim: 0bpm~250bpm, (độ phân giải 1bpm) - Độ chính xác: ±2bpm hoặc ±2% (chọn lớn hơn) - Mức tiêu thụ điện năng: Dưới 30mA - Điện áp DC: 2.6V - 3.6V - Pin: 2 viên pin 1.5V: (loại AAA)	Cái	3
42	Máy đo SPO2 trẻ em	Tính Năng Máy Đo Spo2 Và Nhịp Tim Trẻ Sơ Sinh Tích hợp với cảm biến đo SPO2 trẻ sơ sinh và Màn hình hiển thị kết quả. Kích thước nhỏ gọn, trọng lượng nhẹ và thuận tiện để di chuyển Dễ dàng sử dụng, thao tác đơn giản, tiêu thụ điện năng thấp Hiển thị giá trị SPO2 Hiển thị chỉ số nhịp mạch, biểu đồ thanh giá trị SPO2 Hiển thị dạng sóng xung Thiết lập các chức năng đơn giản Có âm thanh báo nhịp đập Chức năng đồng hồ Chức năng xem lại kết quả Chế độ hiển thị có thể thay đổi Độ sáng màn hình có thể được thay đổi Hiển thị cảnh báo hết pin: chỉ số điện áp thấp khi khởi động thiết bị. Chức năng tự động tắt nguồn: khi thiết bị đang trong tình trạng khi không sử dụng, nó sẽ tự động tắt và trong 5s nếu ngón tay rơi ra khỏi đầu dò. Định dạng thiết bị có thể lưu sau khi tắt thiết bị Cài đặt các mức báo độ cho SPO2, nhịp tim và chức năng báo động, phát ra âm thanh cảnh báo. Truyền dữ liệu theo thời gian thực khi kết nối máy PC. THÔNG SỐ KỸ THUẬT Màn hình hiển thị OLED màu 1.8", độ phân giải 160×128 Dải đo SPO2 là 0 – 100%	Cái	1

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
		Độ chính xác SPO2: Từ 70 đến 100% là +/-2% Dưới 70% không xác định được Dải đo nhịp tim: 30 – 250BPM Độ chính xác nhịp mạch: +/-2 bpm Hiệu suất đo đặc trong điều kiện kém: SPO2 và nhịp tim có thể được hiển thị một cách chính xác khi xung điện tỷ lệ là 0,4% Lỗi SPO2 là +/-4%, tỷ lệ lỗi xung là +/-2 bpm Đề kháng với ánh sáng xung quanh: độ lệch giữa giá trị đo trong điều kiện ánh sáng nhân tạo hoặc ánh sáng tự nhiên trong nhà và phòng tối ít hơn +/- 1% Công suất tiêu thụ ít hơn 100mA Điện áp DC 2.6V – 3.6V Đèn báo pin yếu		
43	Máy đo SPO2 người lớn	- Độ chính xác : SpO2 (70 - 100%), Nhịp tim (30 - 250 nhịp/phút) (+/- 0.2%) - Phạm vi đo : Nhịp tim (0 - 254 nhịp/phút), SpO2 (0~100%) - Loại pin : 2 pin AAA. - Màn hình hiển thị : LCD. - Tự động tắt khi không sử dụng. - Kích thước : 6cm x 3 cm.	Cái	5
44	Cân sức khỏe	Phạm vi đo: 20 – 120kg -Giá trị độ chia 500g -Sai số tối thiểu : ±500g – tối đa : ±1500g -Chất liệu: Mặt kính nhựa nhựa AS trong suốt, Tấm lót, bảng tham khảo: nhựa ABS. Vỏ hộp cân được sơn tĩnh điện, mặt nhựa lót có nhiều màu sắc -Mặt số bằng nhôm: in lụa.	Cái	1

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
45	Đèn đọc phim	Bảng inox - Tự động bật sáng khi cài phim hoặc có công tắc tiện dụng bật tay - Ánh sáng đồng đều - Vỏ đèn bằng inox - Trên giá đỡ, giá để bàn hoặc treo tường - Nguồn điện: 220V	Cái	2
46	Máy đo huyết áp	1. Yêu cầu chung: - Hàng mới 100%. - Nhà sản xuất phải đạt một trong các tiêu chuẩn chất lượng sau: ISO 13485, ISO 9001, CE hoặc tương đương. - Sản xuất từ 2024 trở về sau 2. Cấu hình mỗi bộ gồm: 1 sách hướng dẫn sử dụng 1 đồng hồ 1 quả bóp 1 vòng bít 1 túi đựng sản phẩm Huyết áp kế người lớn không kèm tai nghe Thông số kỹ thuật - Đồng hồ: 20 ~ 300mmHg; - Độ chính xác: +/- : 3mmHg - Hệ thống hơi: Túi vải với túi hơi cao su; - Quả bóp và Van dùng đo huyết áp cho người lớn	Cái	31

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
47	Máy đo huyết áp nhi	1. Yêu cầu chung: - Hàng mới 100%. - Nhà sản xuất phải đạt một trong các tiêu chuẩn chất lượng sau: ISO 13485, ISO 9001, CE hoặc tương đương. - Sản xuất từ 2024 trở về sau 2. Cấu hình gồm: 1 đồng hồ; 1 quả bóp; 1 vòng bít; 1 túi đựng sản phẩm Đồng hồ chuẩn có vạch chia từ 20 ~300mmHg - Độ chính xác $\pm 3\text{mmHg}$ - Hệ thống ống dẫn khí, quả bóp bằng chất liệu cao su chống oxy hoá có độ bền cao - Vòng bít làm bằng chất liệu vải có độ bền cao. Kích thước: Rộng 10-11cm, dài: 32cm (Nhi lớn) -Hệ thống dây dẫn khí bằng cao su cao cấp chống oxy hoá. -Đồng hồ áp lực hiển thị áp xuất chuẩn (không bị lệch điểm không) có quả bóp để đo áp lực	Cái	5
48	Máy đo huyết áp nhi	1. Yêu cầu chung: - Hàng mới 100%. - Nhà sản xuất phải đạt một trong các tiêu chuẩn chất lượng sau: ISO 13485, ISO 9001, CE hoặc tương đương. - Sản xuất từ 2024 trở về sau 2. Cấu hình gồm: 1 đồng hồ; 1 quả bóp; 1 vòng bít; 1 túi đựng sản phẩm Đồng hồ chuẩn có vạch chia từ 20 ~300mmHg - Độ chính xác $\pm 3\text{mmHg}$ - Hệ thống ống dẫn khí, quả bóp bằng chất liệu cao su chống oxy hoá có độ bền cao - Vòng bít làm bằng chất liệu vải có độ bền cao. Kích thước: Rộng 8-9cm, dài : 30cm (Nhi trung) -Hệ thống dây dẫn khí bằng cao su cao cấp chống oxy hoá. -Đồng hồ áp lực hiển thị áp xuất chuẩn (không bị lệch điểm không) có quả bóp để đo áp lực	Cái	5

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
49	Ống nghe	Ống dẫn bằng chất liệu cao su chống oxy hóa. Bộ phận khuếch đại âm thanh làm bằng chất liệu Aluminum	Cái	20
50	Máy khí dung	1. Yêu cầu chung: - Hàng mới 100%. - Nhà sản xuất phải đạt một trong các tiêu chuẩn chất lượng sau: ISO 13485, ISO 9001, CE hoặc tương đương. - Sản xuất từ 2024 trở về sau - Nguồn điện sử dụng: 220-240V, 50Hz. 2. Cấu hình máy gồm có Máy xông: 01 máy Bộ xông: 01 bộ Ống khí (PVC,200cm): 01 cái Ống ngậm: 01 cái Mặt nạ người lớn (PVC): 01 cái Mặt nạ trẻ em (PVC): 01 cái 5 miếng lọc Công suất tiêu thụ : 220VA Kích thước hạt : MMAD khoảng 3Um Dung tích cốc : Tối đa khoảng 7ml Từ 2ml-tới 7ml : Lượng thuốc thích hợp Tốc độ phun : Khoảng 0.4ml/ phút Luồng khí/ Công suất nén : 7L/ phút, 100kPa Đầu ra khí dung: 0,57ml (2ml,1%NaF) Tốc độ đầu ra khí dung: 0.08ml/phút (2ml,1 %NaF)	Cái	11
51	Bảng đo thị lực	Bảng phân loại có hình các vòng tròn hờ giống chữ C, xoay theo nhiều hướng khác nhau (bao gồm trái, phải, trên, dưới, góc 45 độ ở giữa)	Cái	1

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
52	Bảng đo thị lực	Khoảng cách đọc : 5m Nguồn: 220V; 0,2A Kích thước 26cm x 62cm (±5%) Bảng chữ ZU Lỗ treo tường Dây nguồn: 1m8 – 2m Vỏ đèn bằng inox	Cái	5
53	Đèn khám đeo trán (Đèn Clar)	Cường độ sáng: ≥30.000 Lux - Tuổi thọ đèn LED: ≥ 50.000 giờ - Thời gian dùng liên tục: ≥ 4 giờ - Nhiệt độ màu: ≥ 6.000 kelvin - Nguồn pin: 3,7 V - Dung lượng pin: 2.200 mA - Loại pin: Li-ion (có chế độ đo mạch bên trong)	Cái	5
54	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Mỗi bộ gồm có: - 01 Kim kẹp kim: kích thước 16 cm ± 1 cm, chất liệu: Thép không gỉ - 01 Kéo cong tù: kích thước 16 cm ± 1 cm, chất liệu: Thép không gỉ - 01 Kéo thẳng tù: kích thước 16 cm ± 1 cm, chất liệu: Thép không gỉ - 01 Kéo cắt chỉ: cong, kích thước 10 cm ± 1 cm, chất liệu: Thép không gỉ - 01 Hộp chữ nhật kích thước (5 x 17x 22 cm) ± 1 cm, chất liệu: inox	Bộ	14
55	Kẹp lấy dị vật	Kẹp gấp dị vật ≥10cm Chất liệu sử dụng thép dẹt, không bóng để tránh phản chiếu ánh sáng, màu đục nhưng rất bền Được gia công thêm 1 lớp Tips Carbon vào 2 bên má của kéo	Cái	1

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
56	Xe tiêm 2 tầng	Loại inox 304 Kích thước :800x500x850mm(d” r “c) (±5%) Mặt sàn inox tấm dày ≥0.8mm Trụ chính ống tròn pi ≥25x1.0mm Lan can inox ống tròn pi ≥12.7x0.7mm Bộ bánh xe đẩy loại tốt pi ≥75mm có 2 bánh có khóa Có vành gài xô, Có xô đựng chất thải bằng inox hoặc nhựa	Cái	5
57	Ống cắm panh	Chất liệu: Inox 304 Kích thước: Φ5 x 12cm ± 1 cm	Cái	17
58	Bàn khám phụ khoa	- Chất liệu chính: Inox 304 - Kích thước : Dài x rộng x cao 1320 x 650 x 800mm (±5%) - Bậc lên xuống : Có 1 bậc lên xuống (hàn liền vào chân bàn) - Khung chân bàn: Inox ống đường kính ≥25 x1,2mm - Mặt bàn : Inox tấm dày ≥ 0,8mm - Đệm : Có đệm bọc giả da dày ≥ 5cm - Kết cấu bàn : Bàn có kết cấu gồm 2 phần: + Phần đầu-lưng bàn: Nâng/hạ từ 0 đến 60 (độ) bằng thanh răng, thanh chống + Phần đỡ hông: Được khoét lỗ hình bán nguyệt. Bên dưới có khay hứng nước.	Cái	1
59	Bộ đồng hồ oxy	1. Yêu cầu chung: - Hàng mới 100%. - Sản xuất từ 2024 trở về sau 2. Yêu cầu về thông số kỹ thuật • Áp lực đầu vào: 15 Mpa. • Áp lực đầu ra: Từ 0.2- 0.3 Mpa. • Lưu lượng: 1 – 15 L/phút. • Nhiệt độ tối đa: 121 °C.	Cái	5
60	Kẹp Allis 18cm	Chế tạo bằng thép không gỉ, 5x6 răng, dài 18 cm ± 1cm	Cái	20
61	Kẹp khăn	Chế tạo bằng thép không gỉ, cong đầu, dài 13 cm ± 1cm	Cái	20
62	Kéo cong 2 đầu tù	Chế tạo bằng thép không gỉ, thẳng, dài 18 cm ± 1cm	Cái	10

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
63	Babcock Forceps 20cm	Chế tạo bằng thép không gỉ, thẳng, dài 20 cm ± 1cm	Cái	20
64	Thìa nạo xương 2 đầu	Thìa nạo Oval 2 đầu, dài 18 cm ± 1cm, nạo xương, làm bằng thép không gỉ.	Cái	10
65	Kéo phẫu tích Metzenbaum	Bằng thép không gỉ, cong tù, dài 18 cm ± 1cm	Cái	10
66	Kìm cắt chỉ thép 22cm	Bằng thép không gỉ, có khớp cộng lực miệng gắn Tungsten, dài 22 cm ± 1cm	Cái	1
67	Kìm xoắn chỉ thép đầu vuông tù	Bằng thép không gỉ, đầu vuông tù; dài 19 cm ± 1cm	Cái	1
68	Kìm xoắn chỉ thép đầu nhọn	Bằng thép không gỉ đầu nhọn; dài 19 cm ± 1cm	Cái	1
69	Giá Mayjor tiếp dụng cụ mổ	- Kích thước tổng thể 500 x 350 x 700 – 1100mm ±5% (d x r x c) - Chiều cao điều chỉnh 700 -1100mm - Khay Kích thước 35x50cm, có thể tháo rời ra khung đỡ Khung đỡ khay hình chữ L Chất liệu: Inox 304 Bánh xe Gồm 4 bánh (2 bánh có khóa)	Cái	2
70	Pince hình tim có răng	Chất liệu: thép không gỉ, có khóa răng cưa, đầu pen kẹp hình tim hoặc hình bầu dục có răng, dài 25cm ± 1cm	Cái	12
71	Kéo cắt chỉ cong	Chất liệu: thép không gỉ, cong, nhọn hai đầu. Dài 10cm ± 1cm	Cái	20
72	Kìm mang kim	Kèm kẹp kim được làm từ thép không gỉ, đầu làm việc thẳng. Có 2 lớp Tips TC không cần chỉ. Kích thước 16 cm ± 1cm	Cái	60
73	Kẹp phẫu tích có máu	Chất liệu thép không gỉ, có máu, đầu mảnh. Kích thước 16 cm ± 1cm	Cái	50
74	Kẹp phẫu tích không máu	Chất liệu thép không gỉ, không máu, đầu mảnh. Kích thước 16 cm ± 1cm	Cái	50
75	Kẹp phẫu tích không máu	Không máu, kích thước 12cm ± 1 cm. Chất liệu: Thép không gỉ	Cái	5

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
76	Máy điện châm	1. Yêu cầu chung: - Hàng mới 100%. - Nhà sản xuất phải đạt một trong các tiêu chuẩn chất lượng sau: ISO 13485, ISO 9001, CE hoặc tương đương. - Sản xuất từ 2024 trở về sau - Nguồn điện sử dụng: AC110-240V, 50Hz. 2. Cấu hình - Máy chính: 01 chiếc - Dây châm cứu: 05 chiếc - Dây điện xung: 01 chiếc - Điện cực điện xung dán: 02 chiếc - Điện cực điện xung: 10 chiếc - Đai quấn điện cực: 1 chiếc - Bút dò huyết: 01 chiếc - Nguồn 9V: 1 chiếc - Hướng dẫn sử dụng: 1 bộ Có 5 dạng xung (ứng với các công dụng trị liệu khác nhau) để lựa chọn: Sóng liên tục, Sóng không liên tục, Sóng nén, Sóng dao động lên xuống, Sóng tắt mở	Cái	8
77	Kelly cong	Chất liệu thép không gỉ. Có răng cưa, cong kích thước 16cm ± 1 cm	Cái	50
78	Kelly cong	Chất liệu thép không gỉ. Có răng cưa, cong kích thước 14cm ± 1 cm	Cái	30
79	Cán dao mổ số 3	Cán dao mổ, số 3. chất liệu: thép không gỉ.	Cái	75
80	Bóp bóng giúp thở trẻ em	1. Nguyên liệu bóng: silicone, thể tích bóng 250ml/370ml/ 640ml/ 1500ml. 2. Gồm dây nối oxy lòng ngôi sao, túi trữ oxy. Kèm theo tùy mã : Van áp lực 60cmH2O/ 40cmH2O, áp kế 0-60cmH2O, cổng kiểm soát CO2, lỗ phân chia thuốc MDI, mask gây mê.	Cái	1
81	Bóp bóng giúp thở người lớn	1. Nguyên liệu bóng: silicone, thể tích bóng 250ml/370ml/ 640ml/ 1500ml. 2. Gồm dây nối oxy lòng ngôi sao, túi trữ oxy. Kèm theo tùy mã : Van áp lực 60cmH2O/ 40cmH2O, áp kế 0-60cmH2O, cổng kiểm soát CO2, lỗ phân chia thuốc MDI, mask gây mê.	Cái	1

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
82	Tua vis lục giác	Được làm bằng thép không rỉ, cán bằng gỗ hoặc nhựa có thể hấp tiết trùng, đầu lục giác, dùng để mở vis có kích thước 3.5mm	Cái	2
83	Tua vis hình sao	Được làm bằng thép không rỉ, cán bằng gỗ hoặc nhựa có thể hấp tiết trùng, đầu hình sao, dùng để mở vis có kích thước 3.5mm	Cái	1
84	Dao mổ liên cán	Chất liệu thép không gỉ	Cái	5
85	Kéo thẳng tù	Chất liệu thép không gỉ Đầu tù, kích thước: 14±2cm	Cái	2
86	Kelly thẳng 16cm	Chất liệu thép không gỉ. Có răng cưa, thẳng, kích thước 16cm ± 1 cm	Cái	4
87	Ống hút dịch tai thẳng	Dài: 10.5 cm ± 1cm Đường kính: 1.0 mm Chất liệu: Thép không gỉ.	Cái	3
88	Ống hút dịch tai thẳng	Dài: 10.5 cm ± 1cm Đường kính: 1.2 mm Chất liệu: Thép không gỉ.	Cái	3
89	Ống hút dịch tai thẳng	Dài: 10.5 cm ± 1cm Đường kính: 1.5 mm Chất liệu: Thép không gỉ.	Cái	3
90	Ống hút dịch tai thẳng	Dài: 10.5 cm ± 1cm Đường kính: 2 mm Chất liệu: Thép không gỉ.	Cái	3
91	Ống hút tai thẳng có lỗ	Chiều dài: 12 cm ± 1cm Đường kính: 1.2 mm Chất liệu: Thép không gỉ.	Cái	1
92	Ống hút tai thẳng có lỗ	Chiều dài: 12 cm ± 0,2cm; Đường kính: 1.5 mm; Chất liệu: Inox 304	Cái	1

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
93	Ống hút tai thẳng có lỗ	Chiều dài: 12 cm $\pm$ 0,2cm; Đường kính: 2 mm; Chất liệu: Inox 304	Cái	1
94	Ống hút tai cong có lỗ	Chiều dài: 12 cm $\pm$ 1cm Đường kính: 1.2 mm Chất liệu: Thép không gỉ.	Cái	1
95	Ống hút tai cong có lỗ	Chiều dài: 12 cm $\pm$ 0,2cm; Đường kính: 1.5 mm; Chất liệu: Inox 304	Cái	1
96	Ống hút tai cong có lỗ	Chiều dài: 12 cm $\pm$ 0,2cm; Đường kính: 2 mm; Chất liệu: Inox 304	Cái	1
97	Ống hút mũi thẳng	Chiều dài: 14 cm $\pm$ 1cm Đường kính: 3 mm $\pm$ 1cm Chất liệu: Thép không gỉ.	Cái	2
98	Ống hút mũi thẳng có lỗ	Chiều dài: 14 cm $\pm$ 1cm Đường kính: 3 mm $\pm$ 1cm Chất liệu: Thép không gỉ.	Cái	1
99	Ống hút mũi cong có lỗ	Chiều dài: 14 cm $\pm$ 1cm Đường kính: 3 mm $\pm$ 1cm Chất liệu: Thép không gỉ.	Cái	1
100	Kẹp lấy dị vật tai Alligator thẳng 8cm	Răng: 4x0.6mm Dài: 80mm $\pm$ 1cm Chất liệu: thép không gỉ	Cái	1
101	Kẹp lấy dị vật 22cm	Dài: $\geq$ 22cm Chất liệu: thép không gỉ	Cái	1
102	Kelly cong 25cm	Dài: $\geq$ 25cm; Chất liệu: Thép không gỉ	Cái	1

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
103	Kẹp lấy dị vật họng 22cm	Dài: $\geq 22\text{cm}$; Chất liệu: Thép không gỉ	Cái	1
104	Máy hút dịch (loại 2 bình)	1. Yêu cầu chung: - Hàng mới 100%. - Nhà sản xuất phải đạt một trong các tiêu chuẩn chất lượng sau: ISO 13485, ISO 9001, CE hoặc tương đương. - Sản xuất từ 2024 trở về sau - Nguồn điện sử dụng: AC110-240V, 50Hz. 2. Thông số kỹ thuật Tỷ lệ bơm: $\geq 15\text{L/phút}$ Áp lực tối đa: $\geq 0,075\text{ Mpa}$ Nguồn điện hoạt động: AC 220V - 50Hz Dung tích chai: 02 chai chứa dịch 2500ml	Cái	2
105	Bộ tiêu phẫu mắt	Mỗi bộ gồm có: - Pen kẹp kim - Kéo cong nhọn - Compa đo mắt - Nhíp có máu - Kẹp cong nhọn - Cán dao	Bộ	2

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
106	Bộ dụng cụ chích chấp lẹo	Bộ có thể gồm các dụng cụ sau: - Cán dao - Que nạo chấp số 0 – lớn hơn hoặc bằng 1,5 mm - Que nạo chấp số 1 – lớn hơn hoặc bằng 1,75 mm - Que nạo chấp số 2 – lớn hơn hoặc bằng 2,0 mm - Que nạo chấp số 3 – lớn hơn hoặc bằng 2,5 mm - Que nạo chấp số 4 – lớn hơn hoặc bằng 3,5 mm - Kẹp chấp tròn nhỏ - Kẹp chấp tròn, trung bình - Kẹp chấp bầu dục, lớn - Kẹp chấp bầu dục, trung bình - Kẹp chấp bầu dục nhỏ - Kéo đầu nhọn, thẳng hoặc cong - Kim có mẫu 1,00 mm, 1x2 răng - Panh Castroviejo có mẫu 0.3mm - Kim mang kim cong cổ khoá hoặc không có khoá: tổng chiều dài nhỏ hơn 15cm - Thanh lật mí: Hai đầu nhọn, tổng chiều dài <12cm	Bộ	3
107	Curret size 3	Size 3, chất liệu Titanium hoặc thép không gỉ	Cái	2
108	Dụng cụ bẫy chân răng	Bẫy khuỷu. Đầu trái và phải. Lòng bẫy kích thước 3mm ± 0,5mm. Chất liệu: thép không gỉ. Cán bằng kim loại.	Cái	2
109	Dụng cụ bẫy chân răng	Bẫy chữ T/ Winter, đầu trái và phải. Chất liệu: thép không gỉ. Cán bằng kim loại.	Cái	6
110	Dụng cụ bẫy chân răng	Bẫy thẳng: đầu thẳng, kích thước 3mm ± 0,5mm. Chất liệu: thép không gỉ. Cán bằng kim loại.	Cái	10
111	Dụng cụ bẫy chân răng	Bẫy thẳng: đầu thẳng, kích thước 4mm ± 0,5mm. Chất liệu: thép không gỉ. Cán bằng kim loại.	Cái	10

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
112	Dụng cụ bẫy chân răng	Bẫy thẳng: đầu thẳng, kích thước 5mm ± 0,5mm. Chất liệu: thép không gỉ. Cán bằng kim loại.	Cái	10
113	Dụng cụ bẫy chân răng	Bẫy thẳng đầu nhọn: đầu thẳng, nhọn, kích thước 2,5mm ± 0,5mm. Chất liệu: thép không gỉ. Cán bằng kim loại.	Cái	10
114	Dụng cụ bẫy chóp chân răng	Bộ dụng cụ bẫy chóp chân răng gồm 3 cái - 01 cái Đầu trái: Lòng bẫy có kích thước 2,5mm ± 0,5mm - 01 cái Đầu phải: Lòng bẫy có kích thước 2,5mm ± 0,5mm - 01 cái Đầu thẳng: Lòng bẫy có kích thước 2,5mm ± 0,5mm Chất liệu: thép không gỉ.	Bộ	5
115	Bộ dụng cụ bẫy không sang chấn	Bộ dụng cụ bẫy không sang chấn gồm 7 cái: - 01 cái: kích thước 2 mm ± 0,5mm, lưỡii thẳng. - 01 cái: kích thước 3 mm ± 0,5mm, lưỡii cong. - 01 cái: kích thước 3 mm ± 0,5mm, lưỡii thẳng. - 01 cái: kích thước 3 mm ± 0,5mm, góc đối xứng. - 01 cái: kích thước 3 mm ± 0,5mm, cong ngược. - 01 cái: kích thước 5 mm ± 0,5mm, lưỡii cong. - 01 cái: kích thước 5 mm ± 0,5mm, lưỡii thẳng. Chất liệu đầu: Thép không gỉ.	Bộ	3
116	Dụng cụ bóc tách	Dụng cụ bóc tách vạt làm bằng chất liệu thép không gỉ, có 2 đầu làm việc khác nhau. - Đầu tròn, đầu nhọn. Kích thước 4/7mm ± 0,5mm	Cái	3
117	Dụng cụ bóc tách	Dụng cụ bóc tách vạt làm bằng chất liệu thép không gỉ, có 2 đầu làm việc khác nhau. - Hai đầu tròn. Kích thước 4,5/5,5mm ± 0,5mm	Cái	2
118	Bơm tiêm áp lực	Chất liệu: Đồng thau mạ Chrome. Bơm tiêm dung tích 1,8 cc, có thể rút ngược.	Cái	20

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
119	Kéo nhọn	Đầu thẳng, nhọn, kích thước 14cm ± 1cm. Chất liệu: Thép không gỉ.	Cái	5
120	Kéo nhọn	Đầu cong, nhọn, kích thước 14cm ± 1cm. Chất liệu: Thép không gỉ.	Cái	5
121	Cán dao đôi góc số 3	Cán dao mổ, số 3, có thước đo, dài 12,5cm ± 1cm, chất liệu Titanium hoặc thép không gỉ, đầu làm việc có xoay gấp góc.	Cái	3
122	Kẹp gấp	Thân cong, có răng cưa. Chiều dài 16 cm. Chất liệu: Thép không gỉ.	Cái	60
123	Gương khám nha khoa	Chất liệu: thép không gỉ, tay cầm lục giác, có thể tháo rời mặt gương. Gương ø 20mm ± 2mm, chống lóa.	Cái	60
124	Thám châm	Chất liệu: thép không gỉ, có hai đầu làm việc thẳng cong.	Cái	60
125	Cây nạo ngà	Có hai đầu làm việc, kích thước đầu nạo 0,8 mm ± 0,2mm. Chất liệu: Thép không gỉ.	Cái	10
126	Cây nạo ngà	Có hai đầu làm việc, kích thước đầu nạo 1,2mm ± 0,2mm. Chất liệu: Thép không gỉ.	Cái	10
127	Cây nạo ngà	Có hai đầu làm việc, kích thước đầu nạo 1,4mm ± 0,2mm. Chất liệu: Thép không gỉ.	Cái	10
128	Dụng cụ trám nhồi	Chất liệu: thép không gỉ, có hai đầu làm việc. Một đầu nhồi nhỏ, một đầu trám. Kích thước 1,7/0,9mm ± 0,2mm.	Cái	10
129	Dụng cụ trám nhồi	Chất liệu: thép không gỉ, có hai đầu làm việc. Một đầu nhồi to, một đầu trám. Kích thước 1,9/1,1mm ± 0,2mm.	Cái	10

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
130	Dụng cụ trám nhồi	Chất liệu: thép không gỉ, có hai đầu làm việc. Hai đầu trám. Kích thước 2,5/3.0mm ± 0,2mm.	Cái	10
131	Cây điều khắc	Chất liệu: thép không gỉ, có hai đầu làm việc. Kích thước 2,0mm/2,0mm ± 0,2mm.	Cái	5
132	Cây nạo ổ răng	Chất liệu: thép không gỉ, có hai đầu làm việc. Kích thước 3,0mm/3,0mm ± 0,2mm.	Cái	3
133	Cây nạo ổ răng	Chất liệu: thép không gỉ, có hai đầu làm việc. Kích thước 2,4mm/2,4mm ± 0,2mm.	Cái	3
134	Tay khoan nhanh	Tay khoan nhanh 4 lỗ, 3 tia phun nước, có đèn dùng trong nha khoa. Chất liệu: Thép không gỉ Sử dụng tương thích mũi khoan và cắt đường kính 1.6 mm ± 0,2mm , chiều dài tối đa mũi khoan 25 mm ± 0,2mm Nhiệt độ màu: ≥ 5.500 K Độ sáng: ≥ 25.500 Lux Áp suất hơi: 40- 60 PSI Công suất: ≥ 22 W Tốc độ: ≥ 410,000 RPM	Cái	4

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
135	Tay khoan chậm	Một bộ gồm: • Airmotor - Có 4 lỗ - Áp suất khí: $\geq 0.2 - 0.3$ Mpa. - Khả năng hấp tiết trùng: có thể được hấp tiết trùng ở nhiệt độ tối đa là 135°C - Tốc độ tối đa: ≥ 20.000 vòng/phút - Loại: không tia nước. • Đầu thẳng Thành phần: Thép không gỉ. Cấu tạo: Sử dụng tương thích mũi khoan và cắt đường kính $2.35\text{mm} \pm 0,2\text{mm}$, chiều dài mũi khoan tối đa $45\text{mm} \pm 0,2\text{mm}$. Tốc độ motor: ≥ 40.000 vòng/phút Loại: không tia nước • Đầu khuấy Chất liệu: Thép không gỉ. Tốc độ motor: ≥ 30.000 vòng/phút Loại: không tia nước Loại mũi khoan: CA	Cái	2
136	Kèm nhỏ răng vĩnh viễn	Kèm số 150, dùng để nhổ răng cửa trên, răng nanh, răng tiền hàm và chân răng. Chất liệu: Thép không gỉ.	Cái	10
137	Kèm nhỏ răng vĩnh viễn	Kèm số 150, dùng để nhổ răng cửa, răng nanh, răng tiền hàm và chân răng. Chất liệu: Thép không gỉ.	Cái	10
138	Kèm nhỏ răng vĩnh viễn	Kèm nhỏ răng khôn trên. Dùng để nhổ răng khôn hàm trên Chất liệu: Thép không gỉ	Cái	5
139	Kèm nhỏ răng vĩnh viễn	Kèm nhỏ răng khôn dưới. Dùng để nhổ răng khôn hàm dưới, răng số 8, răng cối 3 Chất liệu: Thép không gỉ	Cái	5

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
140	Kèm nhỏ răng vĩnh viễn	Kèm chân răng hàm trên hình lưỡi lê, dùng để nhỏ chân răng hàm trên Chất liệu: Thép không gỉ	Cái	5
141	Kèm nhỏ răng sữa	Kèm răng cửa hàm dưới. Dành cho răng cửa hàm dưới và răng nanh/răng nanh, trẻ em/răng lung lay Chất liệu: Thép không gỉ	Cái	8
142	Kèm nhỏ răng sữa	Kèm răng cửa hàm trên. Dành cho răng cửa trên (hàm trên) và răng nanh/ răng nanh, trẻ em/răng lung lay Chất liệu: Thép không gỉ	Cái	8
143	Kèm nhỏ răng sữa	Kèm chân răng hàm dưới. Đối với chân răng dưới (hàm dưới), trẻ em/răng lung lay Chất liệu: Thép không gỉ	Cái	8
144	Kèm nhỏ răng sữa	Kèm chân răng hàm trên. Chân răng trên (hàm trên), trẻ em/răng lung lay Chất liệu: Thép không gỉ	Cái	8
145	Kèm nhỏ răng sữa	Kèm răng cối hàm trên. Dành cho răng hàm trên (hàm trên), trẻ em/răng lung lay Chất liệu: Thép không gỉ	Cái	8
146	Kèm nhỏ răng sữa	Kèm răng cối hàm dưới. Dành cho răng hàm dưới (hàm dưới) và răng tiền hàm, trẻ em/răng lung lay Chất liệu: Thép không gỉ	Cái	8
147	Kelly thẳng 12cm	Đầu thẳng, kích thước 12cm ± 1cm. Chất liệu: Thép không gỉ.	Cái	2
148	Kelly thẳng 14cm	Đầu thẳng, kích thước 14cm ± 1cm. Chất liệu: Thép không gỉ.	Cái	2
149	Kelly cong 14 cm	Đầu cong, kích thước 12cm ± 1cm. Chất liệu: Thép không gỉ.	Cái	2
150	Kelly cong 12cm	Đầu cong, kích thước 14cm ± 1cm. Chất liệu: Thép không gỉ.	Cái	2
151	Que thông lệ đạo	Bộ gồm 4 que kích cỡ bao gồm: 0.3 & 0.4 mm; 0.5 & 0.6mm; 0.7& 0.8mm ; 0.9 & 1.0mm, Chất liệu: Thép không gỉ	Bộ	1
152	Que nong lệ đạo (Infant)	Cỡ nhỏ, đường kính 0.5mm, tổng chiều dài 75mm. Chất liệu: Thép không gỉ	Cái	2
153	Que nong lệ đạo (Wilder)	Cỡ 2, chiều dài đầu tip 20mm. Chất liệu: Thép không gỉ	Cái	2

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
154	Kim bơm lệ đạo (Feaster)	Lỗ 2 bên, đầu cong, dài 22mm. Chất liệu: Thép không gỉ	Cái	2
155	Thuốc đo khoảng cách đồng tử	Chất liệu nhựa Dài ≤ 20 cm	Cái	1
156	Gọng thử kính	Chất liệu: Kim loại + nhựa Khẩu độ lớn. Tích hợp miếng đệm mũi silicon mềm Có thể xoay 360 độ, dễ dàng sử dụng Có thể điều chỉnh được kích thước PD theo từng bệnh nhân	Cái	1
157	Mỏ vịt trung	Cỡ trung. Chất liệu: Thép không gỉ	Cái	5
158	Ấm sắc thuốc	Chất liệu: Thân ấm bằng sứ cao cấp; Đế ấm là nhựa chống cháy, an toàn khi sử dụng Dung tích : $\geq 3,2$ L; Công suất: 450W; Điện áp: 220V - 50Hz.	Cái	4
159	Đèn gù	Đèn gù di động có bánh xe, Đèn LED ánh sáng trắng lạnh, Cần đèn linh hoạt: Xoay 3 chiều, dễ điều chỉnh vị trí chiếu sáng. Độ rọi (Illuminance) $\geq 30.000 - 50.000$ lux tại khoảng cách 30-50 cm. Nhiệt độ màu 4.000 – 5.000 K (ánh sáng trắng trung tính). Chỉ số hoàn màu (CRI) ≥ 90 (cho phép quan sát mô niêm mạc rõ nét). Đường kính vùng chiếu sáng 100 – 200 mm. Khả năng điều chỉnh độ sáng Có (nút nhấn hoặc núm xoay 3-5 mức). Tuổi thọ LED: $\geq 40.000 - 50.000$ giờ. Chất liệu chóa đèn và cần đèn: Nhôm đúc sơn tĩnh điện, dễ khử khuẩn, không han gỉ. Tản nhiệt LED tốt, không gây nóng cho vùng khám. Nguồn điện: 220V - 50Hz.	Cái	4
160	Cân sơ sinh	Cân cơ học dành cho trẻ sơ sinh. Thang đo trọng lượng 0 – 16 kg (hoặc 0 – 20 kg tùy loại). Độ chia nhỏ nhất 10 g (hoặc 20 g). Đồng hồ kim chỉ thị cơ học. Kích thước bàn cân: Bàn nằm lõm, dài khoảng 50 – 55 cm, rộng 25 – 30 cm. Chất liệu bàn cân: Nhựa ABS hoặc composite dễ lau chùi, chống trượt. Đơn vị đo: Kilogram (kg) và gram(g). Sai số cho phép $\pm 0,1\%$ toàn thang đo. Hiệu chuẩn ban đầu có núm chỉnh zero (tara). Tính năng an toàn: Có viền bảo vệ, chống trượt, đảm bảo an toàn cho trẻ sơ sinh	Cái	2

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
161	Cọc truyền dịch	- Chất liệu inox 304 - Đường kính chân đế khoảng 520 mm - Điều chỉnh được khoảng 1 đến 2,1m - Điều chỉnh chiều cao bằng núm vặn - 3 chân có bánh xe có phanh - Có móc treo chai lọ	Cái	14
162	Bàn chăm sóc trẻ sơ sinh	Kích thước: D100xR60xC80cm ± 5cm Cấu hình: Khung Inox Ø 25,4x1 mm Mặt inox tấm dày 1 mm Hộc tủ vuông 50 x 50 cm Bánh xe Ø6,5 cm 2 cái có khóa, 2 cái không khóa	Cái	1
163	Đèn hồng ngoại	- Công suất: 250W - Điện thế: Tùy thuộc vào bóng đèn. - Dimmer hoặc công tắc - Dây nguồn: ≥ 2m - Điều chỉnh chiều cao từ 50cm – 70cm - Cổ định vị xoay linh động đến gần 360 độ, khoảng rộng 30cm + 30cm - Đuôi đèn dùng nhiều loại bóng đèn - Độ bền cao - Bóng đèn :250W	Cái	3
164	Đèn hồng ngoại	- Công suất: 250W - Dimmer hoặc công tắc - Dây nguồn: ≥ 3m - Điều chỉnh chiều cao từ 1m-1,7m - Cổ định vị xoay linh động đến gần 360 độ, khoảng rộng 30cm + 30cm - Đuôi đèn dùng nhiều loại bóng đèn - Độ bền cao - Bóng đèn hồng ngoại :250W	Cái	4

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
165	Xe đẩy ngồi	- Xe có gắn 2 vòng lăn hai bên. - Có hai tay đẩy phía sau. - Độ rộng ghế ngồi: 46cm ± 2cm - Khung xe làm bằng sắt mạ crom - Chỗ ngồi bằng chất liệu da simili màu đen - Tấm đặt chân bằng nhôm đúc hợp kim - Vành xe nan hoa. - Bánh trước rộng ≥8”, xoay 360 độ - Bánh sau ≥24”, bánh đặc	Cái	10
166	Túi chườm ấm	Túi chườm ấm bằng gel, sử dụng điện. Chất liệu vỏ ngoài vải nhung hoặc vải chống thấm, dễ giặt, không gây kích ứng da. Chất liệu ruột túi Nhựa PVC y tế 2-3 lớp, hàn kín, chịu nhiệt cao. Dung dịch trong túi Gel giữ nhiệt công thức đặc biệt, không độc, không bay hơi, sử dụng nhiều lần. Dung tích túi 1.8 – 2.0 lít. Công suất làm nóng 400 – 500W. Nguồn điện sử dụng 220V – 50Hz. Thời gian sạc đầy 6 – 10 phút (tự ngắt khi đủ nhiệt). Nhiệt độ tối đa 60 – 70°C (tự động ngắt điện khi đạt ngưỡng). Cơ chế an toàn- Cầu chì nhiệt tự ngắt- Cảm biến nhiệt thông minh- Chống quá áp, chống rò rỉ điện. Thời gian giữ nhiệt 3 – 6 giờ (tùy điều kiện môi trường). Tuổi thọ sản phẩm 500 – 1000 chu kỳ sạc (tương đương 1 – 2 năm sử dụng liên tục). Dễ vệ sinh. Có thể lau túi bằng khăn ẩm, vỏ bọc ngoài tháo rời giặt được. Phụ kiện đi kèm Dây sạc tháo rời, bao nhung hoặc bao cotton chống nóng trực tiếp	Cái	2

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
167	Nhiệt ẩm kế	Nhiệt ẩm kế cơ học (dạng tròn), treo tường. Ứng dụng: Theo dõi nhiệt độ – độ ẩm phòng. Phạm vi đo nhiệt độ -20°C đến +50°C. Độ chia nhiệt độ 1°C. Độ chính xác nhiệt độ ±1°C. Phạm vi đo độ ẩm 20% – 100% RH (độ ẩm tương đối). Độ chia độ ẩm 2 – 5% RH. Độ chính xác độ ẩm ±5% RH. Kích thước mặt đồng hồ tối thiểu 15 – 20 cm (để quan sát từ xa khi đang tắm trẻ). Chất liệu vỏ ngoài: Nhựa ABS hoặc nhựa chịu ẩm, chống gỉ, chống nứt nẻ, dễ lau chùi. Chất liệu mặt hiển thị: Kính cường lực hoặc nhựa meca trong suốt chống mờ sương. Loại hiển thị: Kim chỉ cơ học, hiển thị rõ ràng, màu sắc dễ phân biệt nhiệt/ẩm. Hoạt động cơ học, Có móc treo hoặc lỗ gắn vít chắc chắn	Cái	1
168	Máy massage	Điện áp: 220V - 240V Tần số: 50/60Hz Công suất tiêu thụ: 35W Độ rung: + Mức mạnh: 2920 - 3500 rpm + Mức nhẹ: 1480 - 1750 rpm Loại: Massage toàn thân	Cái	4
169	Hộp hấp tròn inox có lỗ thông khí	Chất liệu: inox 304, có lỗ thông khí, lắp đai che xoay để hở hoặc che kín. Có khóa gài, Nắp có quai xách gấp gọn, bản lề và khóa hãm. Đai chấn hơi có thể điều chỉnh đóng mở lỗ ở trên thân hộp, có khóa hãm chắc chắn, bảo đảm che kín các lỗ quanh thân hộp khi đóng, dễ điều chỉnh. Kích thước: - Đường kính 32 x 20 cm ± 2cm	Cái	16
170	Hộp hấp tròn inox có lỗ thông khí	Chất liệu: inox 304, có lỗ thông khí, lắp đai che xoay để hở hoặc che kín. Có khóa gài, Nắp có quai xách gấp gọn, bản lề và khóa hãm. Đai chấn hơi có thể điều chỉnh đóng mở lỗ ở trên thân hộp, có khóa hãm chắc chắn, bảo đảm che kín các lỗ quanh thân hộp khi đóng, dễ điều chỉnh. Kích thước: - Đường kính 25 x 180 mm ± 2cm	Cái	22
171	Hộp inox đựng bông hình trụ	Chất liệu: Inox 304, có nắp Quy cách : Φ 16cm x 13cm ± 1cm	Cái	16

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
172	Hộp inox đựng bông hình trụ	Chất liệu: Inox 304, có nắp Quy cách : $\Phi 10 \times 8 \text{ cm} \pm 1 \text{ cm}$	Cái	11
173	Hộp hấp chữ nhật inox có lỗ thông khí	Chất liệu: Inox 304, có lỗ thông khí, Nắp có quai xách gấp gọn Quy cách : $34 \times 18 \times 12 \text{ cm} \pm 2 \text{ cm}$	Cái	33
174	Hộp chữ nhật inox	Chất liệu: Inox 304, có thể hấp lại nhiều lần. Kích thước: $23 \times 11 \times 5 \text{ cm} \pm 1 \text{ cm}$	Cái	19
175	Túi cứu thương	- Một khoang để đồ - Có quai đeo và có chốt cài - Chất liệu: da. Kích thước $35 \times 26 \times 12 \text{ cm} \pm 2 \text{ cm}$	Cái	1
176	Bàn inox để dụng cụ phẫu thuật	Chất liệu: inox 304 Kích thước : $1500 \times 900 \times 900 \text{ mm} (\text{d}'' \text{ r}'' \text{ c}) (\pm 5\%)$ Mặt sàn inox tấm dày $\geq 0.8 \text{ mm}$ có chấn trên bề mặt xung quanh Trụ chính hộp vuông $25 \times 25 \times 1.0 \text{ mm}$ Chân bàn được giằng bằng hộp vuông $25 \times 25 \times 1.0 \text{ mm}$	Cái	1
177	Xe inox 2 tầng để dụng cụ phẫu thuật	Loại inox 304 Kích thước: $1000 \times 600 \times 900 \text{ mm} (\text{d}'' \text{ r}'' \text{ c}) (\pm 5\%)$ Mặt sàn inox tấm dày $\geq 0.8 \text{ mm}$ Trụ chính được làm bằng ống tròn pi $\geq 25 \times 1.0 \text{ mm}$ Lan can bao bọc xung quanh inox ống tròn pi $\geq 12.7 \times 0.7 \text{ mm}$ Bánh xe đẩy loại tốt pi $\geq 75 \text{ mm}$ có 2 bánh có khóa	Cái	2
178	Khay chữ nhật inox	Chất liệu: Thép không gỉ Kích thước: $22 \times 32 \pm 2 \text{ cm}$	Cái	8
179	Khay quả đậu nhỏ	Khay hạt đậu sâu trung kích thước khoảng $21 \times 11 \times 3.5 \text{ cm}$. Chất liệu thép không gỉ Thể tích 400 -500ml	Cái	11
180	Khay chữ nhật inox	Khay chữ nhật: inox 304, có thể hấp tiệt trùng Kích thước: $17 \times 22 \times 2 \text{ cm} \pm 1 \text{ cm}$	Cái	50

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
181	Lồng hấp mũi khoan	Chất liệu thép không gỉ, có thể hấp lại nhiều lần. Dễ dàng sử dụng, có khoá gài, chông rơi rớt mũi khoan, đâm Kích thước - Cao: 6cm ±1cm kể cả nắp - Đường kính nắp: 6cm ±1cm	Cái	4
182	Cục cắn	– Chất liệu silicone bền đẹp, có thể tái sử dụng nhiều lần – Có thể hấp sấy tiệt trùng ở nhiệt độ cao – Có 3 kích cỡ phù hợp với mọi lứa tuổi Size S: 2 cái Size M: 2 cái Size L: 2 cái	Cái	6
183	Hộp chữ nhật inox có khóa	Hộp hấp inox có khoá kèm đệm silicone cố định dụng cụ, Kích thước: - 16x9x2 cm ±1cm	Cái	2
184	Hộp chữ nhật inox có khóa	Hộp hấp inox có khoá kèm đệm silicone cố định dụng cụ, Kích thước: - 26x15x4 cm ±1cm	Cái	2
185	Hộp đựng dụng cụ y tế đa năng	Hộp đựng dụng cụ đa năng. Chất liệu: Nhựa y tế cao cấp ABS hoặc PP (bền, kháng khuẩn, dễ tiệt trùng, không độc hại). Kích thước: Dài: 45 – 55 cm Rộng: 30 – 35 cm Cao: 25 – 35 cm Thiết kế ngăn chứa: Có ít nhất 3–5 ngăn hoặc khay riêng biệt: Khay đựng dụng cụ (panh, kéo, ống nội khí quản). Ngăn riêng cho bóng bóp, mặt nạ, khăn ủ Ngăn/hộc có nắp đậy kín chứa dụng cụ vô khuẩn Các ngăn có thể tháo rời hoặc di chuyển linh hoạt. Tính năng: Nắp đậy kín, có gioăng chống bụi, chống ẩm. Tay xách chắc chắn, có thể gấp gọn. Khóa cài an toàn, dễ thao tác, chống bung khi di chuyển. Có bánh xe hoặc quai đeo (nếu cần cơ động)..	Cái	1

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
186	Máy sưởi ẩm để bàn	Máy sưởi hồng ngoại hoặc sưởi gốm. Công suất 300 – 600W (đủ để sưởi không gian nhỏ, không gây khô hoặc quá nóng). Nguồn điện 220V – 50H. Có thể điều chỉnh được nhiệt độ (từ 25°C – 37°C, có hiển thị số). Có chức năng hẹn giờ: (tùy chọn từ 30 phút đến 4 tiếng). Chế độ an toàn: Tự ngắt khi nghiêng/đổ - Tự ngắt khi quá nhiệt - Không phát sáng chói mắt. Vật liệu vỏ: Nhựa ABS chống cháy hoặc kim loại sơn tĩnh điện, an toàn tuyệt đối. Kích thước: Nhỏ gọn, dễ đặt bàn (khoảng 20–30cm chiều cao). Tiếng ồn < 40 dB (vận hành êm, không làm trẻ giật mình). Quạt đối lưu nhẹ - Lưới chắn bảo vệ - Màn hình LED	Cái	2
187	Quạt sưởi ẩm	Công suất sưởi 1000W – 2000W (có thể điều chỉnh 2 mức) Nguồn điện 220V ± 10% / 50Hz. Công nghệ sưởi: Gốm PTC (ceramic) – không đốt cháy oxy, an toàn khi sử dụng liên tục. Chức năng: Sưởi ẩm nhanh, tiết kiệm điện, không gây khô da. Tính năng an toàn: Tự ngắt khi quá nhiệt- Tự ngắt khi đổ ngã- Vỏ cách nhiệt. Chế độ điều chỉnh: Nút vặn hoặc nút nhấn, có 2 chế độ sưởi. Chế độ quay (đảo gió); Có (góc quay 45–90°).) Có hẹn giờ tắt, từ 1 đến 8 giờ. Có hiển thị nhiệt độ. Có màn hình LED (đối với loại điều khiển điện tử). Độ ồn khi hoạt động ≤ 40 dB (vận hành êm, không ảnh hưởng giấc ngủ trẻ sơ sinh). Chất liệu vỏ: Nhựa ABS chịu nhiệt hoặc hợp kim sơn tĩnh điện. Kích thước (CxRxS) Khoảng 40 x 25 x 20 cm. Khối lượng: từ 1.5 – 3.5 kg.	Cái	3
188	Giá phơi lam kính	Chất liệu thép không gỉ Kích thước: dài 55±10cm Rộng: 7±1cm Yêu cầu: lam kính đặt nằm ngang trên giá	Cái	3

STT	TÊN HÀNG HÓA	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
189	Giá cắm lam kính	Chất liệu thép không gỉ Yêu cầu: lam kính đặt nằm nghiêng hoặc đứng nghiêng so với bề mặt ngang của giá một góc từ 40° đến 85°	Cái	3
190	Hộp đựng lam kính	Kích thước hộp: gồm 100 vị trí đặt lam kính • Có vách ngăn giữa các vị trí trữ lam.	Cái	10
191	Giá đỡ ống nghiệm inox	Chất liệu: Inox Kích thước lỗ: Φ13 mm	Cái	10
192	Giá đỡ ống nghiệm inox	Chất liệu: Inox Kích thước lỗ: Φ25-30 mm	Cái	2
193	Bóng đèn hồng ngoại	Công suất của Bóng đèn hồng ngoại TNE 250w: 250w Nguồn điện sử dụng: 220V Đui của đèn: Đui xoáy	Cái	6